ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 988/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 27 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 198/TTr-SNN ngày 02/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Căn cứ văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh phụ trách từng tiêu chí chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này. Đồng thời, tham mưu, đề xuất điều chỉnh các tiêu chí ngành phụ trách khi có văn bản điều chỉnh từ các Bộ, ngành Trung ương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các xã lựa chọn loại hình xã nông thôn mới kiểu mẫu nổi bậc nhất trong các tiêu chí thuộc những lĩnh vực quy định tại mục III của Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định này, để tổ chức thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PNN. 14

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

I. Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và giữ vững Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. Đạt các tiêu chí sau (tiêu chí chung):

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Sản xuất – Thu nhập – Hộ nghèo	1.1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Đạt
		1.2. Xã có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả.	Đạt
		1.3. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn.	Đạt
		1.4. Không có hộ nghèo *(trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).*	Đạt
2	Giáo dục – Y tế - Văn hóa	2.1. Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo.	≥ 90%
		2.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1.	100%
		2.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.	Đạt
		2.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp.	≥ 95%
		2.5. Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên.	Đạt
		2.6. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên dân số theo Niên giám Thống kê.	≥ 95%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.7. Xã có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên người dân trên địa bàn xã tham gia.	Đạt
		2.8. Mỗi ấp trên địa bàn xã có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa – văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt
3	Môi trường	3.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên.	Đạt
		3.2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.	Đạt
		3.3. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 90%
		3.4. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.	Đạt
		3.5. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường,...) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
		3.6. Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.	Đạt
4	An ninh trật tự - Hành chính công	4.1. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiềm chế, giảm.	Đạt
		4.2. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.	Đạt

III. Đạt một trong những tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Hạ tầng – Phát triển sản xuất – Thu nhập – Hộ nghèo	1.1. Tỷ lệ đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{mặt}$ ≥3m, $B_{nền}$ ≥4m) trở lên.	≥ 80%
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{mặt}$ ≥1,5m, $B_{nền}$ ≥2m) trở	≥ 80%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		lên.	
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B hoặc C ($B_{mặt}$ ≥3,5m, $B_{nền}$ ≥5m hoặc $B_{mặt}$ ≥3m, $B_{nền}$ ≥4m) trở lên.	≥ 80%
		1.4. Có ít nhất 01 Hợp tác xã tham gia liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.	Đạt
		1.5. Xã có ít nhất 40% hộ sản xuất kinh doanh tham gia vào các Hợp tác xã, Tổ hợp tác,…	Đạt
		1.6. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	100%
		1.7. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 90% trở lên *(đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung đạt 100%).*	Đạt
		1.8. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,51 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã đạt chuẩn nông thôn mới cùng thời điểm.	Đạt
2	**Giáo dục – Y tế – Văn hóa**	2.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 3 tuổi (từ 12 đến dưới 36 tháng) được huy động đến lớp.	≥ 30%
		2.2. Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	100%
		2.3. Không còn học sinh bỏ học, học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.	Đạt
		2.4. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên dân số theo Niên giám Thống kê.	≥ 98%
		2.5. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	≤ 10%
		2.6. Xã có 100% ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới *(trong đó có 40% ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới kiểu mẫu).*	Đạt
		2.7. Xã có các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập *(do cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước đầu tư).*	Đạt
3	**Môi trường**	3.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung và máy lọc nước gia đình.	≥ 80%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.2. Tỷ lệ chất thải rắn *(bao gồm: bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng)* được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	100%
		3.3. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 60% trở lên.	Đạt
		3.4. Tỷ lệ hộ dân xây dựng cảnh quan môi trường, nơi ở sáng - xanh - sạch - đẹp.	≥ 90%
4	**Hành chính công**	4.1. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của xã.	≥ 95%
		4.2. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trước và đúng thời gian quy định.	≥ 99%
5	**An ninh trật tự**	5.1. Tỷ lệ ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.	≥ 95%
		5.2. 100% ấp trên địa bàn xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt

Ghi chú: Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là xã xây dựng đạt mục I, mục II và một trong các tiêu chí quy định tại mục III của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu.